

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 4, 6; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 09/2019/TLST-DSST ngày 20 tháng 03 năm 2019, của những người yêu cầu:

Người khởi kiện: Lê Thị L, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số nhà 55, phố V, TT B, huyện H, Thanh Hóa.

Người bị kiện: Tống Thị H, sinh năm 1980

Địa chỉ : Phố V, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện công tác tại: Trạm khuyến nông huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 03 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết việc dân sự

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ việc dân sự là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của chị Lê Thị L và chị Tống Thị H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ mà chị Tống Thị H đã vay chị Lê Thị L:

- Nợ gốc 275.000.000đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

- Nợ lãi kể từ 01/3/2018 đến ngày 01/3/2019 (với lãi suất 01%/tháng) là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) trừ số tiền chị H đã trả cho chị L 5.000.000đ (năm triệu đồng) còn lại là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

Như vậy chị Tống Thị H có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị L tổng số tiền nợ gốc là 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và nợ lãi tính đến ngày

01/3/2019 là 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) và lãi kể từ ngày 01/3/2019 cho đến ngày trả nợ.

2. Về thời gian và phương thức trả nợ:

Chị Tổng Thị H sẽ trả cho chị Lê Thị L toàn bộ số tiền nợ gốc là 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn) và tiền lãi từ ngày 01/3/2018 đến 01/3/2019 là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng chẵn), chia làm hai đợt, cụ thể:

Đợt 1: Vào ngày 15/4/2019: Trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

Đợt 2: Ngày 15/5/2019: Trả 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền nợ gốc còn lại và 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) tiền nợ lãi. Tổng là 153.000.000 đồng (một trăm năm mươi ba triệu đồng chẵn). Và chị H phải trả cho chị L tiền lãi trên số tiền nợ gốc là 275.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) từ ngày 01/3/2019 đến ngày 15/4/2019 và lãi trên số nợ gốc còn lại 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) từ ngày 15/4/2019 đến ngày 15/5/2019 theo lãi suất hai bên thỏa thuận là 01%/tháng.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về lệ phí : Chị Lê Thị L và chị Tổng Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hai bên đã nộp theo biên lai thu tiền lần lượt số AA/2017/0004559 và AA/2017/0004560 ngày 19/3/2019 (Chị L và chị H đã thi hành xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND h. H;
- Chi cục THADS h.H;
- UBND thị trấn B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾
Số:...../...../QĐST-.....⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày..... tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày.....tháng.....năm về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:..../..../TLST-.....⁽³⁾ ngày...tháng... năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:⁽⁴⁾

.....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

.....
.....
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)